

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
Tuần 06: từ ngày 18/09/2023 đến ngày 24/09/2023

THỨ ỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
62A1 01	Sáng	Sinh hoạt lớp KTNPTB cho trâu bò (Hung)	1 4	5 KTNPTB cho trâu bò (Hung)	5 KT thịt và các sp khác (Lệ)	3 KT thịt và các sp khác (Lệ)
	Chiều					
62A1 04	Sáng	Sinh hoạt lớp Bảo vệ môi trường (Nga)	1 4	5 KTNPTB cho gà vịt (Hòa)	5 CD và ĐTH thú y (Vân)	5 KTNPTB cho gà vịt (Hòa)
	Chiều					
62A1 05	Sáng	Sinh hoạt lớp Thống kê DN (Thúy)	1 4	5 Tin học kế toán (Mai)	5 Kế toán NSXP (Hòa)	5 Kế toán DN2 (Q.Mai)
	Chiều					
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
2A1 01	Sáng	Sinh hoạt lớp Cây dược liệu (Bình)	1 4	5 Cây rau (Nga)	5 Bệnh cây CK (Hương)	5 Phòng trừ dịch hại (Triệu)
	Chiều					
3A1 01	Sáng	Sinh hoạt lớp Đất trồng - phân bón (Hương)	1 3	Tiếng anh (Linh)	3 GDTC (Quang)	3 Sinh lý TV (Huê)
	Chiều					3 Tin học (Hà)
62A1 04	Sáng	Sinh hoạt lớp KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	1 4	5 KTNPTB cho trâu bò (Vân)	5 KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	5 KTNPTB cho lợn (Nga)
	Chiều					
62A3 05	Sáng	Sinh hoạt lớp KTNPTB cho gà vịt (Hòa)	1 4	5 KTNPTB cho chó mèo (Lệ)	5 KTNPTB cho trâu bò (Phượng)	5 KTNPTB cho trâu bò (Phượng)
	Chiều					
63A1 01	Sáng	Sinh hoạt lớp DD và thức ăn CN (Phượng)	1 3	1 GPSL vật nuôi (Nga)	3 Tiếng anh (K.Nhung)	3 Chính trị (Thắm)
	Chiều					

Y63A3 102	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	GPSL vật nuôi (Hằng)	3	Pháp luật (Huyền)	3	GPSL vật nuôi (Hằng)	3	Tiếng anh (Linh)	3
	Chiều	ĐD và thức ăn CN (Hòa)	3								
Y63A4 103	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Tiếng anh (K.Nhung)	3	GDQP - AN (Mạnh)	5	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	3	GDQP - AN (Mạnh)	5
	Chiều	GDQP - AN (Mạnh)	4	Pháp luật (Huyền)	2			Khuyến nông (Lịch)	2		
N62A 302	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Kế toán DN1 (P.Thảo)	5	Tin học kế toán (Mai)	5	Kế toán NSXP (Hòa)	5	Kế toán DN2 (Q.Mai)	5
	Chiều	Thống kê DN (Thúy)	4								
N62B	Sáng	Phân tích HĐKD (T.Thảo)	5	Kế toán NSXP (Hòa)	5	Kế toán DN1 (Dung)	5	Tin học kế toán (Mai)	5	Kế toán DN1 (Dung)	5
	Chiều										
N63A 04	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1	Kinh tế vi mô (Thúy)	3	Tin học (Hà)	3	Nguyên lý TK (Hòa)	3	Tiếng anh (K.Nhung)	3
N52B	Sáng	Thực tập nghề nghiệp	4	Thực tập nghề nghiệp	4	Thực tập nghề nghiệp	4	Thực tập nghề nghiệp	4	Thực tập nghề nghiệp	4
	Chiều										
N62A TH	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Đồ họa ứng dụng (Quang)	5	XD phần mềm QLBH (Hà)	5	Đồ họa ứng dụng (Quang)	5	Lập trình Windows (Thảo)	5
	Chiều	HĐH Windows Sever (Phương)	4								
63A1 03	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1	Tin học (Quang)	3	Tiếng anh (Ly)	3	Tin học (Quang)	3	Tiếng anh (Ly)	3
63A2 02	Sáng	Kỹ năng mềm (Son)	3								
	Chiều										
63A2 02	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Tin học (Phương)	3	Tiếng anh (Linh)	3	Tin học (Phương)	3	Kỹ năng mềm (Son)	3
	Chiều	Chính trị (Thắm)	3								
63A2 01	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Trang bị điện (Nga)	5	Kỹ thuật điện tử (Dương)	5	Trang bị điện (Nga)	5	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5
	Chiều	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4								
63A2 02B	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5	Trang bị điện (Nga)	5	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5	Trang bị điện (Nga)	5
	Chiều	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4								

THỨ	Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều		
N63A1 A102	Sinh hoạt lớp Pháp luật (Huyền)	1 3	An toàn điện (Hòa)	3	Tin học (Phương)	3	GDTC (Quang)	3	An toàn điện (Hòa)	3
N63A2 A301	Sinh hoạt lớp GDQP - AN (Mạnh)	1 3	GDQP - AN (Mạnh)	3	GDQP - AN (Mạnh)	3	GDQP - AN (Mạnh)	3	GDQP - AN (Mạnh)	3
N63A3 A302	Sinh hoạt lớp Tin học (Phương)	1 3	Mạch điện (A.Đức)	3	An toàn điện (Thắng)	3	Mạch điện (A.Đức)	3	Tin học (Phương)	3
N52B	Sinh hoạt lớp KTĐK tự động (Huân)	1 4	KTĐK tự động (Huân)	5						
N62	Sinh hoạt lớp KT thi công trình thủy lợi (N.Đức)	1 4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	5	Thiết bị điện trong hệ thống thủy lợi (Hòa)	5	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	5	KT thi công trình thủy lợi (N.Đức)	5
N52B	Sinh hoạt lớp CB nước mấm (Liên)	5	Chế biến lạnh đông (Năm)	5	Chế biến lạnh đông (Năm)	5	CB nước mấm (Liên)	5	Chế biến lạnh đông (Năm)	5
N52B	Sinh hoạt lớp Thực hành cơ bản (Đông)	5	Xử lý các sự cố Diesel TT (Bình)	5	Thực hành cơ bản (Đông)	5	Xử lý các sự cố Diesel TT (Bình)	5	Thực hành cơ bản (Đông)	5
N52B	Sinh hoạt lớp GDTC (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Pháp luật (Nga)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Quang)	4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN										
Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật		
N52A2	Sinh hoạt lớp Hóa BVTV (Nga)	5	Sinh hoạt lớp Côn trùng CK (Huệ)	5	Sinh hoạt lớp Cây công nghiệp (Thọ)	4	KTNPB cho lợn (Hưng)	4	KTNPB cho lợn (Hưng)	4
N52A2	Sinh hoạt lớp VSV và bệnh TN (Vân)	5	Sinh hoạt lớp Khuyến nông (Tuyết)	5	VSV và bệnh TN (Vân)	4	KTNPB cho lợn (Hưng)	4	KTNPB cho lợn (Hưng)	4
N52A2	Sinh hoạt lớp Kỹ thuật truyền giống (Lệ)	5	Sinh hoạt lớp Khuyến nông (Tuyết)	5	VSV và bệnh TN (Vân)	4	KTNPB cho lợn (Hưng)	4	KTNPB cho lợn (Hưng)	4

MTT62	Sáng	Trang trí HDL TT (Bình)	4	Động cơ đốt trong (Đông)	4	Trang trí HDL TT (Bình)	4
	Chiều	Động cơ đốt trong (Đông)	4	Động cơ đốt trong (Đông)	4	Trang trí HDL TT (Bình)	4
TB62	Sáng	Bảo vệ môi trường biển (Tâm)	4	Thông hiệu và quy tắc tránh va (Trung)	4	Thủy nghiệp (Tiến)	4
	Chiều	Bảo vệ môi trường biển (Tâm)	4	Thông hiệu và quy tắc tránh va (Trung)	4	Thủy nghiệp (Tiến)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Hương

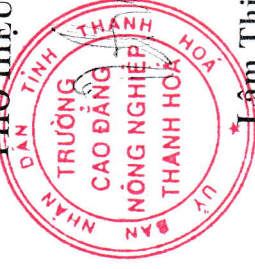
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 06: từ ngày 18/09/2023 đến ngày 24/09/2023

THỨ - LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
61B1 303	Chiều	Sinh hoạt lớp Toán (Quý)	1 3 Vật lý (Hòa) Địa lý (Ngọc)	2 2 Vật lý (Hòa) Sinh học (Phượng)	2 2 Ngữ văn (Hàng)	4 GDCD (Tài) Hóa học (Vân)
	Chiều	Sinh hoạt lớp Vật lý (Hòa)	1 3 Toán (Quý) Ngữ văn (H.Hà)	2 2 Sinh học (Phượng) Toán (Quý)	2 2 Địa lý (Ngọc) Lịch sử (Dự)	2 Hóa học (Vân) Ngữ văn (H.Hà)
	Chiều	Sinh hoạt lớp Ngữ văn (Hàng)	1 3 Sinh học (Phượng)	4 Toán (Nhưng)	4 Địa lý (Thủy)	4 Hóa học (Thủy)
2B1 04	Chiều	Lịch sử (Giang)	4 Toán (Huấn)	4 Ngữ văn (H.Hà) Sinh học (Nga)	2 2 GDKT và PL (Quyên) Hóa học (Hà)	2 2 Sinh hoạt lớp Địa lý (Sáu)
	Chiều	Ngữ văn (Tâm)	4 GDKT và PL (Quyên) Toán (Tú)	2 2 Toán (Tú) Hóa học (Vân)	2 2 Địa lý (Sáu)	4 Sinh hoạt lớp Lịch sử (Dự)
	Chiều	Địa lý (Nhài)	4 Toán (Tú) Lịch sử (Giang)	2 2 GDKT và PL (Quyên) Toán (Tú)	2 2 Ngữ văn (H.Hà)	4 Sinh hoạt lớp Sinh học (Phượng)
2B4	Chiều	Toán (Huấn)	4 Ngữ văn (Hàng)	4 Hóa học (Thủy)	4 Vật lý (Vân)	4 Sinh hoạt lớp GDKT và PL (Quyên)
	Chiều	Sinh hoạt lớp Vật lý (Vân)	1 3 Lịch sử (Giang) Toán (Quý)	2 2 Sinh học (Nga) GDKT và PL (Quyên)	2 2 Địa lý (Nhài)	4 Ngữ văn (Tâm)
	Chiều	Sinh hoạt lớp Ngữ văn (Hường)	1 3 CDLC Địa lý (Nhài) Địa lý (Nhài)	2 2 Toán (Quý) Lịch sử (Dự)	2 2 Ngữ văn (Hường) Sinh học (Phượng)	2 2 GDKT và PL (Nga) Hóa học (Hà)



63B1	Sáng	Địa lý (Thúy)	4	Ngữ văn (Hằng)	4	Ngữ văn (Hằng)	4	Hóa học (Thúy) GDKT và PL (Thúy)	2 2	Sinh hoạt lớp Toán (Nhưng) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	1 2 2	1 3 2
63B2 101	Sáng	Sinh hoạt lớp Toán (Nhưng) GDKT và PL (Quyên)	1 2 2	Hóa học (Hà) Sinh học (Nga)	3 2	Ngữ văn (Hường) CDLC Lịch sử (Dự)	3 2	Lịch sử (Dự) Toán (Nhưng)	3 2	Địa lý (Sáu) CDLC Địa lý (Sáu)	3 2	3 2
63B3 102	Sáng	Sinh hoạt lớp GDKT và PL (Quyên) Toán (Nhưng)	1 2 2	Sinh học (Nga) Toán (Nhưng)	3 2	Toán (Nhưng) Ngữ văn (Hường)	3 2	Ngữ văn (Hường) Hóa học (Hà)	3 2	Lịch sử (Dự) CDLC Lịch sử (Dự)	3 2	3 2
63B5 102	Sáng	Sinh hoạt lớp Hóa học (Hà) Toán (Quý)	1 2 2	Lịch sử (Giang) Toán (Quý)	3 2	Địa lý (Nhài)	5	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Hòa)	3 2	Ngữ văn (Tâm)	3	5
63B6 03	Sáng	Sinh hoạt lớp Toán (Quý) Lịch sử (Giang)	1 2 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Nga)	3 2	Vật lý (Hòa) Toán (Quý)	3 2	Địa lý (Chung) CDLC Ngữ văn (H.Hà)	3 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	3 2	3 2
63B7 02	Sáng	Sinh hoạt lớp Lịch sử (Giang) GDKT và PL (Nga)	1 2 2	Toán (Nhưng) Lịch sử (Giang)	3 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Vân)	3 2	Toán (Nhưng) Địa lý (Chung)	3 2	Vật lý (Hòa) Ngữ văn (H.Hà)	3 2	3 2
63B8 04	Sáng	Sinh hoạt lớp Lịch sử (Dự) Ngữ văn (Hường)	1 2 2	Ngữ văn (Hường) Toán (Hương)	3 2	Vật lý (Vân) Toán (Hương)	3 2	Địa lý (Nhài)	5	Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Nga)	3 2	3 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Hương